

BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TỔNG CỤC DẠY NGHỀ

.....

TÀI LIỆU BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHỀ
CHO GIÁO VIÊN DẠY TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG NGHỀ

Mô đun 2: Kỹ thuật an toàn vệ sinh công nghiệp

Nghề: Kỹ thuật sửa chữa và lắp ráp máy tính – 960h

Đối tượng: *Giáo viên tốt nghiệp đại học kỹ thuật chuyên ngành công nghệ thông tin*

Hà Nội, 12 - 2011

I. LỜI NÓI ĐẦU

An toàn vệ sinh trong công nghiệp là vấn đề đầu tiên trong sản xuất cũng như trong đào tạo nghề, người điều hành sản xuất phải biết cách tổ chức sản xuất cho hợp lý đạt hiệu quả cao trong lao động, cũng như phòng chống các tác hại môi trường cho người lao động như bệnh nghề nghiệp, các tác hại ảnh hưởng tới người lao động trong quá trình sản xuất.

Giáo trình này sẽ hướng dẫn giáo viên, người tổ chức sản xuất các kỹ năng đảm bảo trong lao động.

II. NỘI DUNG TỔNG QUÁT VÀ PHÂN BỐ THỜI GIAN CỦA MÔN HỌC

Số TT	Tên bài	Tổng thời gian(giờ)		
		Tổng số	Trong đó	
			Thời gian học	Kiểm tra
1	Bảo hộ lao động	6	6	0
2	Vệ sinh lao động trong sản xuất	8	7	1
3	Kỹ thuật an toàn lao động	8	7	1
4	Kỹ thuật an toàn dữ liệu và điện	8	7	1
	Cộng :	30	27	3

III. NỘI DUNG TÀI LIỆU

BÀI 1: BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Thời gian đào tạo : 6 giờ (Thời gian học: 6 giờ)

I. Mục tiêu

- Sử dụng được các thiết bị bảo hộ lao động.
- Biết chính sách bảo hộ lao động.

II. Nội dung

1. Các kỹ năng bảo hộ lao động, tầm quan trọng của bảo hộ lao động

1.1. Lý thuyết liên quan

Lao động là hoạt động quan trọng nhất của con người, nó tạo ra của cải vật chất và các giá trị tinh thần của xã hội. Lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao là nhân tố quyết định sự phát triển của đất nước, xã hội, gia đình và bản thân mỗi người lao động. Bất cứ một chế độ xã hội nào, lao động của con người cũng là một trong những yếu tố quyết định nhất, năng động nhất trong sản xuất. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Xã hội có cơm ăn, áo mặc, nhà ở là nhờ người lao động. Xây dựng giàu có, tự do dân chủ cũng là nhờ người lao động. Tri thức mở mang, cũng nhờ lao động. Vì vậy lao động là sức chính của sự tiến bộ xã hội loài người".

Trong quá trình lao động tạo ra của cải vật chất cho xã hội, con người luôn phải tiếp xúc với máy móc, trang thiết bị, công cụ và môi trường... Đây là một quá trình hoạt động phong phú, đa dạng và rất phức tạp, vì vậy luôn phát sinh những mối nguy hiểm và rủi ro... làm cho người lao động có thể bị tai nạn hoặc mắc bệnh nghề nghiệp, vì vậy vấn đề đặt ra là làm thế nào để hạn chế được tai nạn lao động đến mức thấp nhất. Một trong những biện pháp tích cực nhất đó là giáo dục ý thức bảo hộ lao động cho mọi người và làm cho mọi người hiểu được mục đích, ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động.

Bảo hộ lao động là tổng hợp tất cả các hoạt động trên các mặt luật pháp, tổ chức, hành chính, kinh tế, xã hội, khoa học kỹ thuật... nhằm mục đích cải thiện điều kiện lao động, ngăn ngừa tai nạn lao động, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động.

Nội dung chủ yếu của Bảo hộ lao động là an toàn lao động, vệ sinh lao động. Bởi vậy, trong nhiều trường hợp người ta dùng cụm từ "an toàn và vệ sinh lao động" để chỉ công tác Bảo hộ lao động. Trong trường hợp nói đến Bảo hộ lao động, chúng ta hiểu đó là bao gồm cả an toàn lao động, vệ sinh lao động và

cả những vấn đề về chính sách đối với người lao động như: vấn đề lao động và nghỉ ngơi, vấn đề lao động nữ, vấn đề bồi dưỡng độc hại

1.1.1. Mục đích của công tác Bảo hộ lao động

Một quá trình lao động có thể tồn tại một hoặc nhiều yếu tố nguy hiểm, có hại. Nếu không được phòng ngừa, ngăn chặn, chúng có thể tác động vào con người gây chấn thương, gây bệnh nghề nghiệp, làm giảm sút, làm mất khả năng lao động hoặc gây tử vong. Cho nên việc chăm lo cải thiện điều kiện lao động, đảm bảo nơi làm việc an toàn, vệ sinh là một trong những nhiệm vụ trọng yếu để phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động. Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm đến công tác bảo hộ lao động, coi đây là một nhiệm vụ quan trọng trong quá trình lao động, nhằm mục đích:

- Đảm bảo an toàn thân thể người lao động, hạn chế đến mức thấp nhất, hoặc không để xảy ra tai nạn trong lao động.
- Đảm bảo cho người lao động mạnh khỏe, không bị mắc bệnh nghề nghiệp hoặc các bệnh tật khác do điều kiện lao động không tốt gây nên.
- Bồi dưỡng phục hồi kịp thời và duy trì sức khỏe, khả năng lao động cho người lao động.
- Điều kiện lao động:

Trong hoạt động sản xuất, người lao động phải làm việc trong một điều kiện nhất định, gọi chung là điều kiện lao động. Điều kiện lao động là tổng thể các yếu tố về tự nhiên, xã hội, kinh tế được biểu hiện thông qua các công cụ và phương tiện lao động, đối tượng lao động, quá trình công nghệ, môi trường lao động và sự sắp xếp, bố trí chúng trong không gian và thời gian, sự tác động qua lại của chúng trong mối quan hệ với người lao động tại chỗ làm việc, tạo nên một điều kiện nhất định cho con người trong quá trình lao động. Tình trạng tâm sinh lý của người lao động trong khi lao động tại chỗ làm việc cũng được coi như một yếu tố gắn liền với điều kiện lao động. Việc đánh giá, phân tích điều kiện lao động cần phải tiến hành đồng thời trong mối quan hệ tác động qua lại của các yếu tố nói trên và sự ảnh hưởng, tác động của chúng đến người lao động

như thế nào? Từ đó mới có thể có được những kết luận chính về điều kiện lao động ở cơ sở đó và có các biện pháp phù hợp nhằm cải thiện điều kiện lao động, bảo vệ sức khỏe người lao động.

1.1.2. Ý nghĩa của công tác bảo hộ lao động

a. Ý nghĩa chính trị

Bảo hộ lao động thể hiện quan điểm coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển. Một đất nước có tỷ lệ tai nạn lao động thấp, người lao động khỏe mạnh, không mắc bệnh nghề nghiệp là một xã hội luôn luôn coi con người là vốn quý nhất, sức lao động, lực lượng lao động luôn được bảo vệ và phát triển. Công tác bảo hộ lao động làm tốt là góp phần tích cực chăm lo bảo vệ sức khỏe, tính mạng và đời sống người lao động, biểu hiện quan điểm quần chúng, quan điểm quý trọng con người của Đảng và Nhà nước, vai trò của con người trong xã hội được tôn trọng. Ngược lại, nếu công tác bảo hộ lao động không tốt, điều kiện lao động không được cải thiện, dễ xảy ra nhiều tai nạn lao động nghiêm trọng thì uy tín của chế độ, uy tín của doanh nghiệp sẽ bị giảm sút.

b. Ý nghĩa xã hội

Bảo hộ lao động là chăm lo đời sống, hạnh phúc của người lao động. Bảo hộ lao động là yêu cầu thiết thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yêu cầu, là nguyện vọng chính đáng của người lao động. Các thành viên trong mỗi gia đình ai cũng mong muốn khỏe mạnh, trình độ văn hóa, nghề nghiệp được nâng cao để cùng chăm lo hạnh phúc gia đình và góp phần vào công cuộc xây dựng xã hội ngày càng phồn vinh và phát triển.

Bảo hộ lao động đảm bảo cho xã hội trong sáng, lành mạnh, mọi người lao động khỏe mạnh, làm việc có hiệu quả và có vị trí xứng đáng trong xã hội, làm chủ xã hội, tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Khi tai nạn lao động không xảy ra thì Nhà nước và xã hội sẽ giảm bớt được những tổn thất trong việc khắc phục hậu quả và tập trung đầu tư cho các công trình phúc lợi xã hội.

c. Ý nghĩa kinh tế

Thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động sẽ đem lại lợi ích kinh tế rõ rệt. Trong lao động sản xuất nếu người lao động được bảo vệ tốt, điều kiện lao động thoải mái, thì sẽ an tâm, phấn khởi sản xuất, phấn đấu để có ngày công, giờ công cao, phấn đấu tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm, góp phần hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất. Do vậy phúc lợi tập thể được tăng lên, có thêm điều kiện cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân người lao động và tập thể lao động.

Chi phí bồi thường tai nạn là rất lớn đồng thời kéo theo chi phí lớn cho sửa chữa máy móc, nhà xưởng, nguyên vật liệu...

Tóm lại an toàn là để sản xuất, an toàn là hạnh phúc của người lao động, là điều kiện đảm bảo cho sản xuất phát triển và đem lại hiệu quả kinh tế cao.

1.1.3 Tính chất công tác bảo hộ lao động

Bảo hộ lao động có 3 tính chất:

a. Tính pháp luật

Tất cả những chế độ, chính sách, quy phạm, tiêu chuẩn của nhà nước về bảo hộ lao động đã ban hành đều mang tính pháp luật. Pháp luật về bảo hộ lao động được nghiên cứu, xây dựng nhằm bảo vệ con người trong sản xuất, nó là cơ sở pháp lý bắt buộc các tổ chức nhà nước, các tổ chức xã hội, các tổ chức kinh tế và mọi người tham gia lao động phải có trách nhiệm nghiêm chỉnh thực hiện.

b. Tính khoa học - kỹ thuật

Mọi hoạt động trong công tác bảo hộ lao động từ điều tra, khảo sát điều kiện lao động, phân tích đánh giá các nguy hiểm, độc hại và ảnh hưởng của chúng đến an toàn vệ sinh lao động cho đến việc đề xuất và thực hiện các giải pháp phòng ngừa, xử lý khắc phục đều phải vận dụng các kiến thức lý thuyết và thực tiễn trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật chuyên ngành hoặc tổng hợp nhiều chuyên ngành.

Ví dụ: Muốn chống tiếng ồn phải có kiến thức về âm học, muốn cải thiện điều kiện lao động, nặng nhọc và vệ sinh trong một số ngành nghề phải hiểu và

giải quyết nhiều vấn đề tổng hợp phức tạp liên quan đến kiến thức khoa học nhiều lĩnh vực như thông gió, chiếu sáng, cơ khí hóa, tâm sinh lý học lao động... đồng thời với nền sản xuất công nghiệp hóa, hiện đại hóa, người lao động phải có kiến thức chuyên môn kỹ thuật để sản xuất, muốn sản xuất có hiệu quả và bảo vệ được tính mạng, sức khỏe, an toàn cho bản thân, thì phải hiểu biết kỹ về công tác bảo hộ lao động. Như vậy công tác bảo hộ lao động phải đi trước một bước.

c. Tính quần chúng

Tính quần chúng thể hiện trên hai mặt:

Một là, bảo hộ lao động liên quan đến tất cả mọi người tham gia sản xuất, họ là người vận hành, sử dụng các dụng cụ, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu nên có thể phát hiện được những thiếu sót trong công tác bảo hộ lao động, đóng góp xây dựng các biện pháp ngăn ngừa, đóng góp xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy phạm an toàn vệ sinh lao động.

Hai là, dù cho các chế độ chính sách, tiêu chuẩn quy phạm về bảo hộ lao động có đầy đủ đến đâu, nhưng mọi người (từ lãnh đạo, quản lý, người sử dụng lao động đến người lao động) chưa thấy rõ lợi ích thiết thực, chưa tự giác chấp hành thì công tác bảo hộ lao động cũng không thể đạt được kết quả mong muốn

1.2. Trình tự thực hiện

TT	Tên các bước công việc	Dụng cụ, thiết bị, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Chú ý về an toàn lao động
1	Xác định rõ tính chất, ý nghĩa nhiệm vụ lao động	Các trang thiết bị bảo vệ, khẩu trang, găng tay...	Biết sử dụng các thiết bị kỹ thuật	Đảm bảo an toàn trong lao động
2	Xác định vị trí làm việc cho người lao động	Các thiết bị cần thiết cho thực hành	Kiểm tra các dụng cụ lao động	Kiểm tra các thiết bị an toàn

3	Xác định các khả năng xấu có thể xảy ra, làm phương án đề phòng		Hiểu các quy chế an toàn lao động	
---	---	--	-----------------------------------	--

2. Nội dung bảo hộ lao động

2.1. Lý thuyết liên quan

Công tác bảo hộ lao động bao gồm những nội dung chủ yếu sau:

- Kỹ thuật an toàn;
- Vệ sinh an toàn;
- Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

2.1.1 Kỹ thuật an toàn

Kỹ thuật an toàn là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động. Để đạt được mục đích phòng ngừa tác động của các yếu tố nguy hiểm trong sản xuất đối với người lao động, trong quá trình hoạt động sản xuất phải thực hiện đồng bộ các biện pháp về tổ chức, kỹ thuật, sử dụng các thiết bị an toàn và các thao tác làm việc an toàn thích ứng.

Tất cả các biện pháp đó được quy định cụ thể trong các quy phạm, tiêu chuẩn, các văn bản khác về lĩnh vực an toàn.

Nội dung kỹ thuật an toàn chủ yếu gồm những vấn đề sau:

- Xác định vùng nguy hiểm;
- Xác định các biện pháp về quản lý, tổ chức và thao tác làm việc đảm bảo an toàn.
- Sử dụng các thiết bị an toàn thích ứng: Thiết bị che chắn, thiết bị phòng ngừa, thiết bị bảo hiểm, tín hiệu, báo hiệu, trang bị bảo hộ cá nhân.

2.1.2 Vệ sinh lao động

Vệ sinh lao động là hệ thống các biện pháp và phương tiện về tổ chức và kỹ thuật nhằm phòng ngừa sự tác động của các yếu tố có hại trong sản xuất đối với người lao động. Để ngăn ngừa sự tác động của các yếu tố có hại, trước hết phải nghiên cứu sự phát sinh và tác động của các yếu tố có hại đối với cơ thể con người, trên cơ sở đó xác định tiêu chuẩn giới hạn cho phép của các yếu tố trong môi trường lao động, xây dựng các biện pháp vệ sinh lao động.

Nội dung của vệ sinh lao động bao gồm:

- Xác định khoảng cách về vệ sinh
- Xác định các yếu tố có hại cho sức khỏe
- Giáo dục ý thức và kiến thức vệ sinh lao động, theo dõi quản lý sức khỏe.
- Biện pháp vệ sinh học, vệ sinh cá nhân, vệ sinh môi trường.
- Các biện pháp kỹ thuật vệ sinh: Kỹ thuật thông gió, thoát nhiệt, kỹ thuật chống bụi, chống ồn, chống rung động, kỹ thuật chiếu sáng, kỹ thuật chống bức xạ, phóng xạ, điện từ trường...

Trong quá trình sản xuất phải thường xuyên theo dõi sự phát sinh các yếu tố có hại, thực hiện các biện pháp bổ sung làm giảm các yếu tố có hại, đảm bảo tiêu chuẩn vệ sinh cho phép.

2.1.3. Chính sách, chế độ bảo hộ lao động

Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động chủ yếu bao gồm: Các biện pháp kinh tế xã hội, tổ chức quản lý và cơ chế quản lý công tác bảo hộ lao động. Các chính sách, chế độ bảo hộ lao động nhằm bảo đảm thúc đẩy việc thực hiện các biện pháp kỹ thuật an toàn, biện pháp về vệ sinh lao động như chế độ trách nhiệm của cán bộ quản lý, của tổ chức bộ máy làm công tác bảo hộ lao động, các chế độ về tuyên truyền huấn luyện, chế độ thanh tra, kiểm tra, chế độ về khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo về tai nạn lao động...

Những nội dung của công tác bảo hộ lao động nêu trên là rất lớn, bao gồm nhiều công việc thuộc nhiều lĩnh vực công tác khác nhau, hiểu được nội dung

của công tác bảo hộ lao động sẽ giúp cho người quản lý đề cao trách nhiệm và có biện pháp tổ chức thực hiện công tác bảo hộ lao động đạt kết quả tốt nhất

a. Hệ thống pháp luật và các quy định về bảo hộ lao động

Trong những năm qua, để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới và sự nghiệp công nghiệp hóa- hiện đại hóa đất nước, công tác xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật về bảo hộ lao động nói riêng đã được các cấp các ngành hết sức quan tâm. Vì vậy đến nay Nhà nước ta đã có một hệ thống văn bản pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động tương đối đầy đủ.

Hệ thống luật pháp, chế độ chính sách bảo hộ lao động và liên quan đến bảo hộ lao động bao gồm:

* Hiến pháp nước Cộng hòa XHCN Việt Nam ban hành năm 1992 (đã được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết số: 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khóa X, kỳ họp thứ 10)

- Điều 56 của hiến pháp quy định:

Nhà nước ban hành chính sách, chế độ bảo hộ lao động.

Nhà nước quy định thời gian lao động, chế độ tiền lương, chế độ nghỉ ngơi và chế độ bảo hiểm xã hội đối với viên chức Nhà nước và những người làm công ăn lương; khuyến khích phát triển các hình thức bảo hiểm xã hội khác đối với người lao động.

- Các điều 39, 61, 63 quy định các nội dung khác về bảo hộ lao động.

* Bộ Luật lao động và các luật khác, pháp lệnh có liên quan đến an toàn vệ sinh lao động

Bộ Luật lao động của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được Quốc hội thông qua ngày 23/6/1994 và có hiệu lực từ ngày 01/01/1995 quy định quyền và nghĩa vụ của người lao động và người sử dụng lao động, các tiêu chuẩn lao động, các nguyên tắc sử dụng và quản lý lao động, góp phần thúc đẩy sản xuất.

Vì vậy, Bộ luật lao động có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội và trong hệ thống pháp luật quốc gia.

Trong bộ Luật lao động những chương liên quan đến an toàn vệ sinh lao động:

- Chương VII : Quy định thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi.
- Chương IX : Quy định về an toàn lao động, vệ sinh lao động.
- Chương X : Những quy định riêng đối với lao động nữ.
- Chương XI : Những quy định riêng đối với lao động chưa thành niên và một số lao động khác.

- Chương XII : Những quy định về bảo hiểm xã hội.
- Chương XVI : Những quy định về thanh tra Nhà nước về lao động, xử phạt vi phạm pháp luật lao động.

* Một số luật, có liên quan đến an toàn vệ sinh lao động

- Luật bảo vệ sức khỏe nhân dân, ban hành năm 1989

Quy định trách nhiệm của người sử dụng lao động phải chăm lo, bảo vệ và tăng cường sức khỏe cho người lao động

- Phải tạo điều kiện cho người lao động được điều dưỡng, nghỉ ngơi, phục hồi chức năng lao động.

- Phải thực hiện đúng các tiêu chuẩn vệ sinh lao động, phải tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động

- Nghiêm cấm việc làm ô nhiễm các nguồn nước sinh hoạt, tránh làm ô nhiễm đất, nước và không khí...

Luật bảo vệ môi trường, ban hành năm 2005

- Luật này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường, quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường.

- Luật này áp dụng đối với các cơ quan Nhà nước, tổ chức hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trên lãnh thổ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trường hợp trong điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định của luật này thì áp dụng theo

điều ước quốc tế đó.

- Luật Công đoàn ban hành năm 1990

Trong luật công đoàn quy định trách nhiệm và quyền hạn của công đoàn trong công tác bảo hộ lao động, từ việc phối hợp nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật bảo hộ lao động, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm an toàn lao động, vệ sinh lao

động đến trách nhiệm tuyên truyền giáo dục công tác bảo hộ lao động cho người lao

động, kiểm tra việc chấp hành luật pháp bảo hộ lao động, tham gia điều tra tai nạn lao động...

Hệ thống các văn bản quy định của chính phủ, của các bộ ngành chức năng và

hệ thống các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, hệ thống các quy định an toàn lao động theo nghề và công tác

Cùng với các nghị định của Chính phủ, các thông tư, quyết định của các bộ, ngành chức năng, hệ thống các tiêu chuẩn, quy phạm về an toàn lao động, vệ sinh lao động, các quy trình về an toàn bao gồm: Tiêu chuẩn, quy phạm cấp Nhà nước, Tiêu chuẩn, quy phạm cấp ngành; Nội quy, quy định của đơn vị sản xuất ban hành nhằm đảm bảo an toàn cho người lao động.

2.1.4. Nội dung kế hoạch bảo hộ lao động

a. Ý nghĩa của kế hoạch bảo hộ lao động

Công tác bảo hộ lao động là công tác nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hoặc những tác động xấu đến sức khỏe người lao động. Do đó kế hoạch bảo hộ lao động là một văn bản pháp lý của doanh nghiệp nêu lên những nội dung, những công việc doanh nghiệp phải làm nhằm đạt các mục tiêu trên. Mặt khác, đây cũng là nghĩa vụ đầu tiên trong các nghĩa vụ của người sử dụng lao động. Nghị định số: 06/CP ngày 20/01/1995 của Chính Phủ quy định "Hàng năm, khi xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải lập kế hoạch, biện pháp an toàn lao động, vệ

sinh lao động và cải thiện điều kiện lao động".

Kế hoạch bảo hộ lao động là một yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho công tác bảo hộ lao động của doanh nghiệp được thực hiện tốt.

b. Nội dung của kế hoạch bảo hộ lao động

Kế hoạch bảo hộ lao động gồm 5 nội dung cơ bản sau:

Các biện pháp về kỹ thuật an toàn và phòng chống cháy nổ.

- Các biện pháp về kỹ thuật vệ sinh lao động, cải thiện điều kiện làm việc.

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

- Chăm sóc sức khỏe người lao động, phòng ngừa bệnh nghề nghiệp.

- Tuyên truyền, giáo dục, huấn luyện về bảo hộ lao động.

c. Yêu cầu của kế hoạch bảo hộ lao động

- Kế hoạch bảo hộ lao động phải đảm bảo an toàn vệ sinh lao động, đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

- Kế hoạch bảo hộ lao động phải bao gồm đủ 5 nội dung trên với những biện pháp cụ thể kèm theo kinh phí, vật tư, ngày công, thời gian bắt đầu, thời gian hoàn

thành, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện.

2.1.5 Lập và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo hộ lao động

a. Cơ sở lập

- Nhiệm vụ, phương pháp kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình lao động của năm kế hoạch.

- Kế hoạch bảo hộ lao động và những thiếu sót tồn tại của năm trước.

- Các kiến nghị của người lao động, ý kiến của tổ chức công đoàn, kiến nghị của thanh tra, kiểm tra.

- Tình hình tài chính của doanh nghiệp. Kinh phí trong kế hoạch bảo hộ lao động được hạch toán vào giá thành sản phẩm, phí lưu thông của doanh nghiệp.

b. Tổ chức thực hiện

- Sau khi kế hoạch bảo hộ lao động được phê duyệt thì bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện.

- Bộ phận bảo hộ lao động hoặc cán bộ lao động cùng với bộ phận kế hoạch đơn đốc kiểm tra việc thực hiện và thường xuyên báo cáo với người sử dụng lao động.

- Người sử dụng lao động có trách nhiệm định kỳ kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện kế hoạch bảo hộ lao động và thông báo kết quả thực hiện cho người lao động trong đơn vị biết.

c. Công tác thanh tra, kiểm tra bảo hộ lao động

Công tác thanh tra, kiểm tra về bảo hộ lao động ở nước ta được thực hiện dưới các hình thức:

- Thanh tra Nhà nước về bảo hộ lao động ở nước ta hiện nay như: Thanh tra về An toàn lao động đặt trong Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Thanh tra về vệ sinh lao động đặt trong Bộ Y tế. Các hệ thống này có nhiệm vụ thanh tra việc thực hiện pháp luật về bảo hộ lao động của tất cả các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động. Thanh tra viên có quyền xử lý tại chỗ các vi phạm, có quyền đình chỉ hoạt động sản xuất ở những nơi có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động hoặc ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

- Kiểm tra của cấp trên với cấp dưới, tự kiểm tra của cơ sở và việc kiểm tra, giám sát của tổ chức Công đoàn các cấp.

- Ngoài các hình thức thanh tra, kiểm tra nêu trên, Liên bộ và Tổng Liên đoàn lao động cũng như các sở và Liên đoàn Lao động địa phương hoặc các cấp dưới còn tiến hành các đợt kiểm tra liên tịch đối với các ngành, địa phương, cơ sở trong việc thi hành pháp luật, chế độ chính sách về bảo hộ lao động.

d. Khai báo, điều tra tai nạn lao động

Công tác khai báo, điều tra tai nạn lao động là hết sức quan trọng, bởi vì nó nhằm mục đích phân tích, xác định được các nguyên nhân tai nạn lao động trên cơ sở đó đề ra các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các trường hợp tai nạn tương tự tái diễn, đồng thời để phân rõ trách nhiệm đối với những người liên

quan đến tai nạn. Tất cả các trường hợp tai nạn xảy ra đối với người lao động (Không phân biệt trong biên chế hay hợp đồng tạm tuyển, hợp đồng dài hạn hay ngắn hạn) trong giờ làm việc ở công trường hay khi đi công tác đều phải khai báo và điều tra theo Quyết định số: 45/KB-QĐ ngày 20/3/1992 của Liên bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, y tế và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Muốn cho công tác điều tra đạt kết quả tốt, khi tiến hành phải luôn nắm vững các yêu cầu sau:

- Khẩn trương, kịp thời: Tiến hành điều tra ngay sau tai nạn xảy ra, lúc hiện trường nơi xảy ra còn được giữ nguyên vẹn, việc khai thác thông tin các nhân chứng cũng kịp thời.

- Bảo đảm tính khách quan: Phải tôn trọng sự thật, không bao che, không định kiến, không suy diễn chủ quan thiếu căn cứ.

- Cụ thể và chính xác: Phải xem xét một cách toàn diện, kỹ lưỡng từng chi tiết, tránh tình trạng qua loa, đại khái.

Trong điều tra tai nạn lao động phải thực hiện tốt các yêu cầu trên mới đưa ra được những kết luận đúng đắn về nguyên nhân và trách nhiệm của những người liên quan đến vụ tai nạn.

2.2. Trình tự thực hiện

TT	Tên các bước công việc	Dụng cụ, thiết bị, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Chú ý về an toàn lao động
1	Lập kế hoạch lao động	Các trang thiết bị bảo vệ, khẩu trang, găng tay...	Biết sử dụng các thiết bị kỹ thuật, tổ chức và phân công đúng quy định kỹ thuật	Đảm bảo an toàn trong lao động
2	Tổ chức lao động	Các thiết bị cần thiết cho thực hành	Kiểm tra các dụng cụ lao động	Kiểm tra các thiết bị an toàn

3	Kiểm tra an toàn lao động	Dụng cụ thiết bị kiểm tra an toàn, đồng hồ điện, bút thử điện	Hiểu các quy chế an toàn lao động	
---	---------------------------	---	-----------------------------------	--

III. Tóm tắt trình tự thực hiện của bài

TT	Tên các bước công việc	Dụng cụ, thiết bị, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Chú ý về an toàn lao động
1	Các kỹ năng bảo hộ lao động	Các trang thiết bị bảo vệ, khẩu trang, găng tay...	Biết sử dụng các thiết bị kỹ thuật, tổ chức và phân công đúng quy định kỹ thuật	Đảm bảo an toàn trong lao động
2	Phòng chống các bệnh trong công nghiệp	Các thiết bị phòng chống bệnh	Có đầy đủ các kỹ thuật phòng chống bệnh	Đảm bảo an toàn cho người và tài sản trong lao động

BÀI 2: VỆ SINH LAO ĐỘNG TRONG SẢN XUẤT

Thời gian đào tạo : 8h (Thời gian học : 7h; Kiểm tra : 1h)

I. Mục tiêu

- Nắm vững các nhân tố ảnh hưởng sức khỏe người lao động
- Nắm vững cách bảo vệ và phòng chống bệnh nghề nghiệp.

II. Nội dung

1. An toàn vệ sinh

1.1. Lý thuyết liên quan

1.1.1. Mục đích ý nghĩa

Vệ sinh lao động là môn khoa học nghiên cứu ảnh hưởng những yếu tố có hại trong sản xuất đối với sức khỏe người lao động, tìm các biện pháp cải thiện điều kiện lao động, phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp và nâng cao khả năng cho người lao động

Trong sản xuất, người lao động có thể phải tiếp xúc với những yếu tố có ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe, các yếu tố này gọi là những tác hại nghề nghiệp. Tác hại nghề nghiệp ảnh hưởng ở những mức độ khác nhau như mệt mỏi, suy nhược, giảm khả năng lao động, phát sinh các bệnh thông thường hoặc gây ra các bệnh nghề nghiệp. Chẳng hạn như nghề rèn, nghề đúc kim loại, yếu tố tác hại nghề nghiệp đó là nhiệt độ cao, nghề dệt là tiếng ồn, bụi...

Nội dung của môn Vệ sinh lao động bao gồm:

- Nghiên cứu đặc điểm vệ sinh của các quá trình sản xuất
- Nghiên cứu các biến đổi sinh lí, sinh hóa trong cơ thể
- Nghiên cứu việc tổ chức lao động và nghỉ ngơi hợp lý
- Nghiên cứu các biện pháp đề phòng tình trạng mệt mỏi trong lao động, hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố tác hại nghề nghiệp trong sản xuất, đánh giá hiệu quả của các biện pháp đó.

- Quy định các tiêu chuẩn vệ sinh, chế độ vệ sinh xí nghiệp và người lao động
- Tổ chức khám tuyển và sắp xếp người lao động hợp lý vào các bộ phận khác nhau trong xí nghiệp.
- Quản lý theo dõi tình trạng sức khỏe người lao động, tổ chức khám định kỳ, phát hiện sớm bệnh nghề nghiệp

1.1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân

- Những nhân tố ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân hay còn gọi tác hại nghề nghiệp
- Các tác hại nghề nghiệp có thể phân thành mấy loại sau:

a. Các yếu tố vật lý và hóa học

- Điều kiện vi khí hậu trong sản xuất không phù hợp như nhiệt độ, độ ẩm cao hoặc thấp, thoáng khí kém, cường độ bức xạ nhiệt quá mạnh
 - Bức xạ điện từ, bức xạ cao tần và siêu cao tần và siêu cao tần trong khoảng sóng vô tuyến, tia hồng ngoại, tử ngoại...các chất phóng xạ và tia phóng xạ như α , β , γ ...
 - Tiếng ồn và rung động.
 - Áp suất cao, (thợ lặn, thợ làm trong thùng chìm) hoặc áp suất thấp (lái máy bay, leo núi...).
 - Bụi và các chất độc hại trong sản xuất
- Các yếu tố sinh vật:
- Vi khuẩn, siêu vi khuẩn, ký sinh trùng và các nấm mốc gây bệnh

b. Tác hại liên quan đến tổ chức lao động

- Thời gian làm việc liên tục và quá lâu, làm việc liên tục không nghỉ, làm thông ca....
- Cường độ lao động quá cao không phù hợp với tình trạng sức khỏe công nhân.

- Chế độ làm việc, nghỉ ngơi không hợp lý
- Làm việc với tư thế gò bó, không thoải mái như: cúi khom, vắn mình, ngồi, đứng quá lâu.
- Sự hoạt động khẩn trương, căng thẳng quá độ của các hệ thống và giác quan như hệ thần kinh, thị giác, thính giác...
- Công cụ lao động không phù hợp với cơ thể và trọng lượng, hình dáng, kích thước....

c. Tác hại liên quan đến điều kiện vệ sinh và an toàn

- Thiếu hoặc thừa ánh sáng, hoặc sắp xếp bố trí hệ thống chiếu sáng không hợp lý.
- Làm việc ở ngoài trời có thời tiết xấu, nóng về mùa hè, lạnh về mùa đông
- Phân xưởng chật chội và việc sắp xếp nơi làm việc lộn xộn, mất trật tự ngăn nắp.
- Thiếu thiết bị thông gió, chống bụi, chống nóng, chống tiếng ồn, chống hơi khí độc.
- Trang thiết bị phòng hộ lao động hoặc có nhưng bảo quản không hợp lý.
- Việc thực hiện quy tắc vệ sinh và an toàn lao động chưa triệt để và nghiêm chỉnh.

1.2.Trình tự thực hiện

TT	Tên các bước công việc	Dụng cụ, thiết bị, vật tư	Yêu cầu kỹ thuật	Chú ý về an toàn lao động
-----------	-------------------------------	----------------------------------	-------------------------	----------------------------------

1	Xác định được những nhân tố ảnh hưởng đến lao động	Dụng cụ kiểm tra tiếng ồn, ảnh hưởng hóa học....	Kiểm tra đúng quy trình và kỹ thuật	Đảm bảo an toàn trong lao động
2	Phân tích các tác hại liên quan đến tổ chức lao động	Các hình vẽ tư thế so sánh	Kiểm tra các dụng cụ lao động	Kiểm tra các thiết bị an toàn
3	Kiểm tra an toàn lao động	Dụng cụ thiết bị kiểm tra an toàn, đồng hồ điện, bút thử điện	Hiểu các quy chế an toàn lao động	

2. Cách bảo vệ và phòng chống bệnh nghề nghiệp (BNN)

2.1. Lý thuyết liên quan

2.1.1. Định nghĩa BNN

Bệnh nghề nghiệp là một hiện trạng bệnh lý của người lao động phát sinh do tác động thường xuyên và kéo dài của điều kiện lao động xấu, có hại, mang tính chất đặc trưng cho một loại nghề nghiệp, công việc hoặc có liên quan đến nghề nghiệp, công việc đó trong quá trình lao động.

Từ khi lao động xuất hiện, con người có thể bắt đầu bị bệnh nghề nghiệp khi phải chịu ảnh hưởng của các tác hại nghề nghiệp, nhất là trong lao động nặng nhọc (cơ khí, hầm mỏ...). Tuy nhiên, các bệnh này thường xảy ra từ từ và mãn tính. Bệnh nghề nghiệp có thể phòng tránh được mặc dù có một số bệnh khó cứu chữa và để lại di chứng. Các nhà khoa học đều cho rằng người lao động bị bệnh nghề nghiệp phải được hưởng các chế độ bồi thường về vật chất để có thể bù đắp được phần nào thiệt hại cho họ khi mất đi một phần sức lao động do bệnh đó gây ra. Cần thiết phải giúp họ khôi phục sức khỏe và phục hồi chức năng trong khả năng của y học.